

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Phong Thổ

Thực hiện Kế hoạch số 8419/KH-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Kế hoạch số 104-KH/ĐU ngày 14/01/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phong Thổ về Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng năm 2026. UBND xã Phong Thổ xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. Tình hình thực hiện các Mục tiêu, Chỉ tiêu năm 2025

1. Hạ tầng số, hạ tầng kỹ thuật

- UBND cấp xã được kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước.
- Có kết nối Internet cáp quang và mạng LAN nội bộ.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính phục vụ công tác chuyên môn.
- Toàn xã có 32 trạm BTS.
- Tổng số thuê bao điện thoại di động: 17.800 thuê bao.
- Tổng thuê bao Internet: 3.150 thuê bao.
- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai đảm bảo phục vụ chỉ đạo, điều hành thông suốt.

2. Số hóa thủ tục hành chính

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ TTHC: 95%.
- Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC: 95%.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa: 95%, tương ứng 2.200 hồ sơ được tái sử dụng dữ liệu
- 100% hồ sơ, kết quả TTHC trực tuyến toàn trình được xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Cơ sở dữ liệu và dữ liệu số

- Đã đưa vào khai thác 27 cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành dùng chung.
- Kết nối, khai thác dữ liệu với nhiều CSDL quốc gia và chuyên ngành: dân

cur, bảo hiểm xã hội, thuế, đất đai, đăng ký kinh doanh, hộ tịch, giáo dục, y tế...

- Kết quả làm sạch, đồng bộ dữ liệu chuyên ngành:

- Dữ liệu bảo hiểm xã hội đạt 90%;

- Dữ liệu học sinh đạt 90 %;

- 100% dữ liệu khai sinh đã được số hóa.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật, quản lý trên Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

4. Vận hành hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành kết nối liên thông 100% cơ quan trong hệ thống chính trị

- Trung bình mỗi năm xử lý, trao đổi hơn 100.000 văn bản điện tử.

- Hệ thống thư điện tử công vụ hoạt động ổn định.

- UBND xã có 49 chữ ký số cá nhân, tổ chức được cấp và sử dụng thường xuyên trong xử lý công việc.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã hoàn thiện, kết nối với NDXP; triển khai 14 kết nối đã hoàn thành và 18 kết nối đang thực hiện với các hệ thống thông tin, CSDL.

5. An toàn, an ninh thông tin

- 100% máy tại các cơ quan đơn vị được cài đặt phần mềm diệt virus.

6. Bảo đảm tính liên tục hoạt động hệ thống

- 100% hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp được triển khai giải pháp sao lưu, dự phòng.

- Triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các sở, ngành,

a) Kết quả đạt được:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ và xuyên suốt được xác định là nền tảng cốt lõi, quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi số. Trong năm 2025, Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã và các cơ quan trên địa bàn đã thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ, tập trung nguồn lực và ban hành các cơ chế, chính sách kịp thời để dẫn dắt, định hướng và tổ chức thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai nghiêm túc và bài bản trên toàn

xã, tạo sự thống nhất và đồng bộ trong hành động:

Đối với việc thành lập Ban Chỉ đạo và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án số 06: UBND xã cũng đã tham mưu thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tại Quyết định số 77/QĐ UBND ngày 04/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, trong đó Chủ tịch UBND xã là Trưởng ban chỉ đạo. Thành lập 01 Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xã Phong Thổ do đồng chí Phó chủ tịch UBND xã phụ trách lĩnh vực Văn hóa – Xã hội làm Trưởng Tổ trưởng. Thành lập 48 “Tổ công nghệ số cộng đồng” với 144 thành viên. BCD đã thể hiện vai trò nòng cốt, chủ động, tích cực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành các hoạt động chuyển đổi số theo đúng lộ trình, kế hoạch đề ra.

Ban hành Kế hoạch kịp thời, đồng bộ: Trên cơ sở Kế hoạch số 4732/KHUBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh, UBND xã đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 21/7/2025 của UBND xã Phong Thổ về Kế hoạch chuyển đổi số 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn xã Phong Thổ, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo cấp trên: Các đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định quan trọng của Trung ương và của tỉnh như Nghị quyết 09-NQ/TU của Tỉnh ủy và Quyết định 983/QĐ- UBND của UBND tỉnh, đảm bảo sự liên thông và nhất quán trong toàn hệ thống chính trị.

Để đảm bảo tổ chức thực hiện chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về bảo đảm chính quyền địa phương 2 cấp tiếp tục vận hành ổn định, thông suốt, đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Phong Thổ đi vào hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 theo Nghị định số 118/2025/NĐ- CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ. Trên cơ sở các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng HĐND-UBND xã đã chủ động kịp thời tham mưu UBND xã chỉ đạo tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

b) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả tích cực, công tác chỉ đạo, điều hành vẫn còn một số điểm cần khắc phục:

Thiếu sự chủ động, đồng bộ trong phối hợp: Một số thành viên BCD ở một số đơn vị còn chưa chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp cụ thể. Công tác phối hợp giữa các đơn vị đôi lúc còn lúng túng, thiếu đồng bộ, dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao.

Công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên tại một số: Việc theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, gây khó khăn trong việc điều chỉnh, bổ sung kịp thời các giải pháp phù hợp.

Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức còn hạn chế: Các hình thức tuyên truyền về chuyển đổi số còn chưa đa dạng, chưa lan tỏa sâu rộng, đặc biệt là tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, nơi người dân còn hạn chế trong việc tiếp cận Internet và các phương tiện truyền thông số. Những tồn tại trong công tác chỉ đạo, điều hành này đã bộc lộ rõ nhất qua quá trình triển khai trụ cột trọng tâm là phát triển Chính quyền số.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

+ Để hoàn thiện thể chế trong thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, xã đã ban hành các kế hoạch, văn bản trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số¹. Thực hiện 1.719 Danh mục TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính Trên cơ sở các TTHC được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền được các bộ, cơ quan ngang bộ công bố, Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC, cấu hình, xây dựng quy trình điện tử của xã trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; khai báo hoàn thành cập nhật Danh mục cơ quan và đơn vị hành chính cấp xã trên Cơ sở dữ liệu quốc gia

¹ Ban hành Kế hoạch số 11-KH/ĐU, ngày 11/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về triển khai kế hoạch 365-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch số 17a-KH/ĐU ngày 30/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Kế hoạch số 18a-KH/ĐU ngày 30/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan đảng năm 2025; Công văn số 119-CV/ĐU ngày 15/9/2025 của BTV Đảng ủy về triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng những tháng cuối năm 2025; Công văn số 140-CV/ĐU ngày 26/9/2025 về Triển khai thực hiện Thông báo 44-TGV, ngày 12/9/2025 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Công văn 160-CV/ĐU, ngày 06/10/2025 về tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Công văn số 167-CV/ĐU ngày 09/10/2025 về triển khai thực hiện Thông báo số 06-TB/CQTTBCD ngày 27/9/2025 của Cơ quan Thường trực BCĐ Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Kế hoạch số 34-KH/ĐU, ngày 16/9/2025 về tổ chức triển khai ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử. Ban hành Quyết số 02/QĐ-BCĐ57 ngày 07/11/2025 của BCĐ xã Phong Thổ về việc ban hành quy chế làm việc của BCĐ; Thông báo số 03/TB-BCĐ57 ngày 07/11/2025 của BCĐ xã Phong Thổ về việc thông báo phân công nhiệm vụ của BCĐ; Kế hoạch số 04/KH-BCĐ57 ngày 07/11/2025 của BCĐ xã Phong Thổ về việc ban hành kế hoạch hoạt động năm 2025 của BCĐ; Quyết định số 05/QĐ-BCĐ57 ngày 07/11/2025 của BCĐ xã Phong Thổ về việc kiện toàn tổ giúp việc của BCĐ.

về TTHC.

b) Tồn tại, hạn chế:

Tính phù hợp: cần tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và nguồn lực của ngành.

Tính thường xuyên: công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng về chuyển đổi số có lúc, có việc chưa thường xuyên.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Tổng số trạm BTS trên địa bàn xã là 32 trạm. Tổng thuê bao di động là 17.800. Tổng số thuê bao Internet là 3.150 thuê bao.

Hạ tầng số luôn được quan tâm, triển khai đồng bộ, đã trang bị máy tính để thực hiện công vụ cho 100% công chức, viên chức. Việc triển khai kết nối với các Hệ thống CNTT về Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư được thực hiện. Các đơn vị đã nỗ lực đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cơ bản, phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn và điều hành.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện kết nối đến 100% các Sở, ban, ngành tỉnh với tốc độ trung bình là 31 Mbps; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh: đã triển khai đến các điểm cầu, ngoài ra còn ứng dụng các hệ thống học trực tuyến, họp trực tuyến theo các hình thức Web Conferencing, Video Conference... 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính để thực hiện công vụ. có kết nối cáp quang; 100% sở, ngành, địa phương kết nối LAN. Duy trì kết nối ổn định, phục vụ hội nghị truyền hình trực tuyến và hệ thống nội bộ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Trên địa bàn xã hiện còn 05 bản lõm sóng chỉ có 3G ở các bản: La Vân, U Gia, Na Sa Phìn, Hoàng Trù Sào, Pò Ma Hồ gây khó khăn trong việc phổ cập dịch vụ trực tuyến và triển khai chuyển đổi số toàn diện.

Dù có nhiều nỗ lực, nền tảng hạ tầng của xã vẫn còn tồn tại những điểm yếu mang tính hệ thống cần được ưu tiên giải quyết.

Trang thiết bị lỗi thời, xuống cấp: Tình trạng trang thiết bị, đặc biệt là máy tính, đã cũ, hết khấu hao và thường xuyên hỏng hóc là vấn đề phổ biến ở nhiều cơ quan, gây ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả công việc.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

Đề thu hút nguồn nhân lực cao dành cho KHCN và CDS, UBND xã tiếp

tục tuyên truyền Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với bác sỹ đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trong đó có mức thu hút dành cho người có trình độ chính quy lĩnh vực công nghệ thông tin: tốt nghiệp loại giỏi trở lên được hỗ trợ 150 triệu đồng, tốt nghiệp loại khá được hỗ trợ 100 triệu đồng.

UBND xã đã phối hợp mở 02 lớp. Lớp 01: Từ ngày 11 đến ngày 12 tháng 8 năm 2025 Ủy ban nhân dân xã Phong Thổ đã phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu tổ chức 01 lớp Bồi dưỡng kiến thức Chuyển đổi số, An toàn, An ninh và bảo mật thông tin năm 2025 địa điểm tại Trung tâm Hội nghị cho 50 học viên tham gia, thành phần là các cán bộ công chức, viên chức, giáo viên các Phòng ban, cơ quan đơn vị, trường học trên địa bàn xã. Lớp 02: Từ ngày 09/9 đến ngày 12/9/2025 Đảng ủy xã đã được Văn phòng Trung ương Đảng mở lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin. Qua đó, giúp nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành về chuyển đổi số, góp phần thay đổi tư duy, thói quen làm việc theo hướng số hóa, chuyên nghiệp và hiện đại. Ứng dụng AI và Chat GPT...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số được triển khai rộng khắp. 100% cán bộ, công chức, viên chức đã được tập huấn về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin.

Ứng dụng công nghệ được triển khai, áp dụng trong ngành giáo dục ghi nhận tỷ lệ rất cao, với trên 90% nhà giáo sử dụng CNTT trong giảng dạy và 80% sử dụng thành thạo ít nhất một nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI).

Tham gia tập huấn và tự học Cổng thông tin Bình dân học vụ số của quốc gia tại địa chỉ <https://binhdanhocvuso.gov.vn>. Phối hợp tổ chức tập huấn (trực tuyến và trực tiếp) cho cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC và tại Bộ phận một cửa các cấp, ưu tiên nhất là trung tâm phục vụ hành chính công xã. T

Tổ chức tuyên truyền Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ và Thông tư số 23/2025/TTBKHCN ngày 20/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong đó nêu rõ việc hỗ trợ đối với cán bộ chuyển đổi số, công nghệ thông tin là 5 triệu đồng/tháng, áp dụng từ 15/8/2025.

b) Tồn tại, hạn chế:

Xã vẫn đang thiếu hụt nhân lực chuyên trách về CNTT và an toàn thông tin. Phải bố trí cán bộ kiêm nhiệm, không được đào tạo bài bản, không có bằng cấp chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm dẫn đến bị động khi xử lý sự cố và hạn chế trong việc tham mưu, triển khai các giải pháp công nghệ mới.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP): đã hoàn thiện và được đưa vào vận hành, được kết nối với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Nền tảng thường xuyên được cập nhật đảm bảo sự kết nối và liên thông dữ liệu hiệu quả giữa các sở, ngành trong tỉnh và từ cấp tỉnh, xã đến trung ương nhằm tạo ra một hệ sinh thái dữ liệu thông suốt và đồng bộ từ địa phương đến trung ương.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành kết nối liên thông tới 100% cơ quan Đảng, các ban ngành đoàn thể, đã thực hiện việc kết nối với tỉnh trên Trục liên thông văn bản quốc gia, để gửi nhận văn bản điện tử trung bình hơn 100.000 văn bản/năm. Hệ thống thư điện tử công vụ đảm bảo an toàn bảo mật trong giao dịch điện tử trên môi trường mạng. Chữ ký số của các cá nhân, tổ chức đang hoạt động để thực hiện xác thực điện tử trên môi trường số trong các hoạt động công vụ của hệ thống chính trị và giao dịch với người dân, doanh nghiệp.

Xã đã đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, bảo hiểm xã hội... và tích cực xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục, đất đai, nông nghiệp, du lịch... Khai thác 27 cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành.

Đạt được những kết quả ấn tượng trong việc làm sạch và đồng bộ dữ liệu chuyên ngành với CSDL quốc gia về dân cư, cụ thể: Dữ liệu bảo hiểm xã hội đạt 90%; Dữ liệu học sinh đạt 90 %; hoàn thành số hóa 100% dữ liệu khai sinh. Các nền tảng chuyên ngành đã được hình thành và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu về trồng trọt, thủy lợi, góp phần số hóa các ngành kinh tế trọng điểm.

Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ TTHC: 95%. Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC: 95%; khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa: 95%, tương ứng 2.200 hồ sơ được tái sử dụng dữ liệu. 100% hồ sơ, kết quả TTHC trực tuyến toàn trình được xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia. 100% cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị được cập nhật trên Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế:

Các kết nối giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành TW với địa phương liên tục phát sinh và thay đổi kỹ thuật kết nối nên thường xuyên phải hiệu chỉnh hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Nhiều Hệ thống dữ liệu chưa được kết nối hoàn chỉnh dẫn tới việc thiếu hoặc chưa đáp ứng đúng yêu cầu.

Dữ liệu phân mảnh, thiếu liên thông: Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành còn chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ.

Vùng lõm sóng và chất lượng Internet không đồng đều: Tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, miền núi, chất lượng kết nối Internet còn yếu và không ổn định, gây cản trở lớn cho việc tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và triển khai các mô hình giáo dục số.

Để vận hành hiệu quả hạ tầng và khai thác dữ liệu số, việc phát triển nguồn nhân lực đủ năng lực và đảm bảo an toàn thông tin là các yếu tố then chốt.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Các biện pháp cơ bản được thực hiện đồng bộ tại hầu hết các cơ quan, như tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trang bị 100% máy trạm phần mềm diệt virus. Các hệ thống thông tin trọng yếu đã được chú trọng bảo vệ. Lực lượng Công an xã đã phát huy vai trò nòng cốt, triển khai các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tấn công mạng, góp phần bảo vệ an toàn cho các hệ thống thông tin của xã.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số giải pháp an toàn thông tin hiện có chưa theo kịp với các hình thức tấn công mạng ngày càng tinh vi, phức tạp. Việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ chưa được thực hiện thường xuyên. Nhận thức về các nguy cơ an ninh mạng của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

Xây dựng Chính quyền số là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan nhà nước, hướng tới mục tiêu phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Trong bối cảnh của xã Phong Thổ, mục tiêu này được cụ thể hóa thông qua việc số hóa và đơn giản hóa TTHC, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và hiện đại hóa hoạt động quản lý, điều hành nội bộ bằng công nghệ. Thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công xã Phong Thổ: khai thác 1.719 Danh mục TTHC phi địa giới hành chính (trong đó: lĩnh vực Nội vụ 122 TTHC; lĩnh vực Y tế 45 TTHC; lĩnh vực Tài chính 91 TTHC; lĩnh vực Xây dựng 188 TTHC; lĩnh vực Khoa học và Công nghệ 175; lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch 166 TTHC; lĩnh vực Ngoại vụ 04; lĩnh vực Tư pháp 195; lĩnh vực Công thương 258; lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo 114; lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường 313; các lĩnh vực: Quản lý khu công nghiệp khu kinh tế, Đầu tư tại Việt Nam, Đấu thầu, Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Hoạt động xây

dựng thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế 48 TTHC).

Vận hành các Hệ thống Thông tin Trọng yếu: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) được triển khai đồng bộ, đảm bảo 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được thực hiện dưới dạng điện tử và ký số, góp phần xây dựng môi trường làm việc không giấy tờ.

b) Tồn tại, hạn chế:

Dù đạt nhiều thành tựu, quá trình xây dựng Chính quyền số vẫn đối mặt với các rào cản mang tính hệ thống:

Thiếu sự kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống dữ liệu: Nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được kết nối, chia sẻ dữ liệu một cách thông suốt, gây khó khăn cho việc khai thác và tái sử dụng thông tin.

Hạ tầng và trang thiết bị tại xã còn thiếu thốn: Cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số và giải quyết TTHC còn thiếu và chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ tại cơ sở.

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến còn thấp: Tỷ lệ thanh toán trực tuyến của một số đơn vị còn rất thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chính là do thói quen sử dụng tiền mặt của người dân và hạn chế về thiết bị thông minh, tài khoản ngân hàng ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa.

Rõ ràng, để Chính quyền số vận hành thông suốt và giải quyết các hạn chế về kết nối, việc xây dựng một hạ tầng số đồng bộ, vững chắc phải được coi là yêu cầu tiên quyết.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Lĩnh vực Kinh tế số: Các hoạt động Kinh tế số tập trung vào phát triển thương mại điện tử (TMĐT), du lịch thông minh, và số hóa sản xuất công nghiệp. Tích cực tham gia sàn thương mại điện tử tỉnh tại địa chỉ <https://laichau.biz>.

- Lĩnh vực Xã hội số:

Các hoạt động Xã hội số tập trung vào y tế, giáo dục, truyền thông đa ngôn ngữ và thanh toán không dùng tiền mặt. Triển khai Chiến dịch "Tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID" tại trạm y tế xã Phong Thổ. Số lượng người dân được hỗ trợ tích hợp sổ sức khỏe điện tử trên VNeID là 8.595 người dân. Số lượng người dân đã khai báo y tế, theo dõi tiêm chủng, bệnh lý trên ứng dụng là 6.020 người (đạt 35,8% dân số trưởng thành). Thẻ BHYT tích hợp vào VNeID: Đã tích hợp cho hơn 8.598 người dân có tài khoản VNeID mức 2 (tương đương 50,3% dân số trưởng thành có tài khoản mức 2).

Thực hiện khám, chữa bệnh BHYT dùng căn cước công dân và ứng dụng

VNeID thay cho thẻ BHYT. Đã cấp chứng thư số cho đội ngũ bác sỹ để thực hiện ký số đơn thuốc điện tử và triển khai Bệnh án điện tử.

Đã chỉ đạo triển khai Học bạ số áp dụng chính thức cho 100% học sinh cấp Tiểu học, THCS, THPT. 100% cơ sở giáo dục đã triển khai hệ thống quản trị nhà trường và ứng dụng công nghệ trong dạy học. Phổ cập kỹ năng số và bồi dưỡng kỹ năng Trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ, giáo viên, học sinh.

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến toàn xã đạt 60%

Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt như Momo, VNPay, ViettelPay, và khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt trong nộp phí kiểm định, giá kiểm định, phí bảo trì đường bộ.

Đẩy mạnh triển khai dịch vụ thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Khuyến khích sử dụng tài khoản thanh toán trực tuyến

b) Tồn tại, hạn chế:

- Hạn chế về Thanh toán số và Dịch vụ công:

Nguyên nhân chính là do người dân vẫn quen với hình thức giao dịch tại bộ phận một cửa, khả năng tiếp cận thông tin, trình độ và phương tiện máy móc (điện thoại thông minh, tài khoản ngân hàng) của người dân vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

- Hạn chế trong Kinh tế số (Doanh nghiệp và Du lịch):

Thương mại điện tử: Việc ứng dụng TMĐT của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn xã còn hạn chế; doanh nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ, chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của chuyển đổi số, thiếu vốn và nhân lực công nghệ.

Du lịch số: thiếu kinh phí để triển khai dự án, dữ liệu số hóa còn hạn chế chưa được chuẩn hóa, và không có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

- Hạn chế trong Xã hội số (Giáo dục và Y tế):

Giáo dục số: Tỷ lệ học sinh có thiết bị học tập số còn thấp dẫn đến khó khăn trong việc phổ cập học tập số và dạy học trực tuyến ở vùng sâu, vùng xa.

Y tế số: Tiến độ làm giàu dữ liệu trong Hồ sơ sức khỏe điện tử còn chậm do các đơn vị khám, chữa bệnh cần hoàn thiện hệ thống phần mềm để chuyển dữ liệu theo quy định mới của Bộ Y tế.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

9.1.1. Kết quả đạt được:

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 5888/KH-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Hướng ứng Ngày hội đổi mới sáng tạo quốc gia 01-10, ngày Chuyển đổi số quốc gia 10-10 năm 2025 trên địa

bàn tỉnh Lai Châu cụ thể hóa bằng kế hoạch Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 03/10/2025 của UBND xã Phong Thổ về Hướng ứng ngày đổi mới sáng tạo 01/10, ngày chuyển đổi số 10/10 năm 2025 trên địa bàn xã Phong Thổ.

a) Tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số Quốc gia (10/10) với chủ đề năm 2025 là “Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số” hưởng ứng mạnh mẽ: Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến tới 100% công chức, viên chức, người lao động về mục đích, ý nghĩa và chủ đề của Ngày Chuyển đổi số. Sử dụng Bộ nhận diện: Tích cực phổ cập, truyền thông bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025 thông qua việc hiển thị trên Trang Thông tin điện tử của xã và hệ thống mạng nội bộ. Lan truyền trên không gian mạng: bằng cách thay ảnh đại diện có kèm khung hình nhận diện (avatar frame) Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên các nền tảng trực tuyến như Zalo, Facebook.

b) Tuyên truyền qua các kênh truyền thông chính thức Chuyên mục CDS trên Trang thông tin điện tử: duy trì và tăng cường cập nhật chuyên mục Chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của xã. UBND xã đã nỗ lực trong việc tuyên truyền về chuyển đổi số trong điều kiện năm 2025 chưa được cấp kinh phí để thực hiện, tài liệu, tư liệu về chuyển đổi số còn ít nhưng hệ thống thông tin cơ sở và các cơ quan, đơn vị đã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền đến với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; tuyên truyền thông qua buổi sinh hoạt tổ dân phố, thôn bản và tuyên truyền qua đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở đến với Nhân dân về chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch và công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành trong công tác chuyển đổi số với hình thức đa dạng, phong phú.

c) Phổ biến Kiến thức và Kỹ năng số: Công tác tuyên truyền gắn liền với hoạt động phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn sử dụng các nền tảng số: Hưởng ứng Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” của tỉnh Lai Châu. UBND xã Phong Thổ đã tổ chức điểm cầu tại UBND xã đạt hiệu quả và chất lượng cao, chỉ đạo bộ phận chuyên môn làm tốt công tác chuẩn bị về Hội trường, hệ thống truyền hình, âm thanh và các nội dung cần thiết khác để đảm bảo phục vụ cho buổi Lễ, đồng thời phát hành Giấy mời các đại biểu dự Lễ phát động tại điểm cầu xã (*gồm mời Lãnh đạo Đảng uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN và các Hội đoàn thể trong xã; thành viên BCD Chuyển đổi số xã; thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng xã và các thôn, bản, TDP; các đơn vị Trường học ...*). Sau Lễ phát động tại hội trường UBND xã Lãnh đạo xã đã tổ chức cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia lớp tập huấn ứng dụng AI trong xử lý công việc được tổ chức tại Lễ Phát động phong trào “ Bình dân học vụ số ” trên địa bàn tỉnh Lai Châu (*trực tuyến*). Sáng ngày 14/10/2025, UBND xã Phong

Thô tổ chức thành công Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” tại xã, sau khi buổi Lễ phát động đã phối hợp với VNPT Lai Châu tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã và Tổ công nghệ số cộng đồng ở các thôn về các ứng dụng như: Nộp hồ sơ trực tuyến trên cổng dịch vụ công, tích hợp thẻ BHYT trên VNeid, cài đặt chữ ký cho người dân

9.1.2. Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù có nhiều kết quả tích cực, công tác tuyên truyền, truyền thông vẫn còn nhiều thách thức, đặc biệt tại các khu vực khó khăn:

Hiệu quả tiếp cận thấp ở vùng sâu, vùng xa: Công tác truyền thông tuy đã đa dạng nhưng hiệu quả tiếp cận vẫn chưa cao, đặc biệt là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, nơi hạ tầng số còn hạn chế, sóng điện thoại yếu và người dân chưa sử dụng điện thoại thông minh.

Hình thức chưa đa dạng: các hình thức trao đổi, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số còn hạn chế, cần có giải pháp khác song song với việc tuyên truyền trên Internet như khẩu hiệu, chỉ dẫn.

Thiếu hụt Nguồn lực (Kinh phí và Tài liệu): chưa có kinh phí để thực hiện truyền thông về chuyển đổi số và tài liệu tuyên truyền còn ít.

Nhận thức chưa đồng đều: Nhận thức của người dân, phụ huynh, học sinh về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa hình thành thói quen học tập, giao dịch và tra cứu trên môi trường mạng.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

9.2.1 Kết quả đạt được:

a) Ứng dụng Nền tảng và Hệ thống dùng chung

Hệ thống Du lịch Thông minh: chủ động khai thác Hệ thống Du lịch Thông minh tại địa chỉ <https://dulich.laichau.gov.vn/> và ứng dụng di động, được triển khai qua hợp tác với Viettel. Hệ thống này hỗ trợ thống kê và phân tích dữ liệu về lượt khách, doanh thu du lịch.

Phần mềm Văn hóa và Dân tộc: phối hợp tổ chức tập huấn sử dụng cho lãnh đạo, công chức cấp xã để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Sáng kiến trong Thương mại điện tử (TMĐT)

Chú trọng phổ biến các kiến thức và kỹ năng số thông qua các hoạt động tập huấn, hội thảo, và truyền thông nội bộ: Phong trào “Bình dân học vụ số”: đã triển khai sâu rộng phong trào này, với 100% công chức, viên chức, người lao động đăng ký tài khoản và hoàn thành các nội dung khóa học trên Cổng thông tin Bình dân học vụ số tỉnh Lai Châu.

Ứng dụng AI/Trợ lý ảo:

UBND xã đã ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích và đưa ra các quyết định quản lý hiệu quả ở nhiều lĩnh vực như: triển khai AI hình thành trợ lý ảo cho các cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã hỗ trợ giải quyết công việc, tổng hợp báo cáo, dự thảo kế hoạch; AI của Hệ thống thông tin nguồn giúp chuyển đổi tự động chữ viết thành giọng đọc phát thanh trên hệ thống truyền thanh thông minh; Triển khai sử dụng Trợ lý ảo trên nền tảng trí thông minh nhân tạo (AI) trong hoạt động công vụ (gồm Trợ lý pháp luật <https://phapluat.trolyao.org> và Trợ lý Cán bộ, công chức <https://trolyaocanbocongchuc.dx.gov.vn/>) cho 04/04 công chức các phòng ban xã thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số triển khai nhằm hỗ trợ trong xử lý soạn thảo văn bản, báo cáo, tra cứu thông tin và chuyên môn khác

9.2.2. Tồn tại, hạn chế:

Thiếu đánh giá Sáng kiến: chưa có đánh giá cụ thể về các sáng kiến, mô hình chuyển đổi số tiêu biểu của ngành được nhân rộng.

Hạn chế Truyền thông: Việc truyền thông chưa được rộng rãi và chi tiết, còn hạn chế ở hình thức trao đổi, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

9.3.1 Kết quả đạt được:

Đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết số 57- NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Cổng Thông tin điện tử đã xây dựng chuyên mục "Khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số".

Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia và Phổ cập Bộ nhận diện Các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện công tác tuyên truyền hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) với chủ đề năm 2025 là “Chuyển đổi số toàn dân, toàn diện, toàn trình để tăng tốc, bứt phá phát triển kinh tế số”.

Tuyên truyền Kỹ năng An toàn thông tin (ATTT): Các đơn vị đã triển khai tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân. thường xuyên tuyên truyền về ATTT mạng cho công chức, người lao động qua Hệ thống Ioffice, qua các cuộc họp và Nhóm Zalo.

Hướng dẫn Ứng dụng Công dân số: Hướng dẫn người dân thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng căn cước, ứng dụng VNeID thay thế thẻ BHYT khi khám, chữa bệnh BHYT. Đã hướng dẫn, khuyến khích sử dụng các App VneID, App VssID, App Sổ sức khỏe điện tử.

9.3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Hạn chế về Khả năng Tiếp cận và Độ phủ sóng

Hiệu quả truyền thông chưa cao ở vùng sâu, vùng xa: công tác truyền thông tuy đã đa dạng nhưng hiệu quả tiếp cận vẫn chưa cao, đặc biệt là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện hạ tầng số còn hạn chế, sóng điện thoại yếu, và người dân chưa sử dụng điện thoại thông minh. Nhận thức chưa đồng đều: Nhận thức của người dân, phụ huynh, học sinh về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa hình thành thói quen học tập, giao dịch và tra cứu trên môi trường mạng.

- Hạn chế về hình thức và nguồn lực thiếu kinh phí và tài liệu: chưa có kinh phí để thực hiện truyền thông về chuyển đổi số và tài liệu để tuyên truyền còn ít.

10. Kinh phí thực hiện Kết quả bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển Chính phủ điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2025 như sau:

Kinh phí cho chuyển đổi số: Tổng kinh phí cho chuyển đổi số giao 618.100.000 đồng, trong đó tại Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Phong Thổ là 118.100.000²; kinh phí giao tại Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Lai Châu, để mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động tại Trung tâm PVHCC là 500.000.000 đồng; Đến thời điểm báo cáo đang tiến hành thực hiện giải ngân.

PHẦN THỨ HAI

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. Căn cứ lập Kế hoạch

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

² Ban Chỉ đạo chuyển đổi số: 20.000.000 đồng; Đường truyền trực tuyến tầng 3 HĐND-UBND xã: 20.000.000 đồng; đường truyền trực tuyến trung tâm hội nghị 20.000.000 đồng; Phần mềm kế toán 15.000.000 đồng; Chữ ký số QLVB 16.500.000 đồng; Chữ ký số qua điện thoại 21.600.000 đồng.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035;

- Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”;

- Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 3452/KH-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 57-NQ/TW và các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW trong 06 tháng cuối năm 2025;

- Kế hoạch số 8419/KH-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về Chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Kế hoạch số 104-KH/ĐU ngày 14/01/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phong Thổ về Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng năm 2026

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ; chú trọng hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tích cực, chủ động tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội và đời sống xã hội. Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn xã; cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên, đột phá, góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội của xã phát triển nhanh và bền vững; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan trên toàn xã; hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh, hợp tác xã và nhu cầu đời sống người dân trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Phát triển hạ tầng số

- Triển khai phủ sóng 4G cho 100% thôn, bản, tổ dân phố, đảm bảo xây dựng trạm BTS 5G và ứng dụng Internet vạn vật (IoT) cơ bản tại 100% trung tâm xã, khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, bệnh viện, bến xe, trung tâm thương mại, chợ...

- Nâng cấp hạ tầng mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Bảo đảm kết nối ổn định Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước.

b) Phát triển nguồn lực

- Ưu tiên bố trí tối thiểu 3% chi cân đối ngân sách địa phương để tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho chuyển đổi số trên địa bàn toàn xã.

- 85% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản

- 85% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước các cấp (trừ hồ sơ mật) được xử lý trên môi trường điện tử, ký số cá nhân.

- 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được số hóa đầy đủ; trên 70% thông tin, dữ liệu đã số hóa được khai thác, sử dụng lại.
- Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- Kết nối, khai thác hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh đạt 100 %.
- Hệ thống thông tin cấp xã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản; ít nhất 30% cán bộ chuyên trách CNTT/CĐS được bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị dữ liệu, an toàn thông tin.
- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% TTHC liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có $\geq 95\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ trực tuyến toàn trình phải xử lý trực tuyến, ký số chuyên dùng kết quả và trả kết quả trực tuyến hoặc qua bưu chính công ích.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của xã được số hóa và liên thông tới tỉnh.
- Có $\geq 85\%$ cơ sở dữ liệu dùng chung của xã được tích hợp, kết nối, chia sẻ với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.
- Sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất trong toàn tỉnh.
- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức cấp xã phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc.
- 100% báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ số
- 65% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử đạt 70%.
- 5% người dân có chữ ký số.
- Quy mô kinh tế số đạt 9% GRDP.

III. NHIỆM VỤ

Để khắc phục các tồn tại về nhân lực thiếu, hạ tầng cũ kỹ, và dữ liệu phân

mảnh đã được chỉ ra trong năm 2025, Kế hoạch năm 2026 tập trung vào các nhóm nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tập trung các hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo), các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực để tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phải xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ; nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

- Người đứng đầu các cơ quan đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện và triển khai hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của xã.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát đối với việc triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị, bộ phận trực thuộc; việc thực hiện quy định pháp luật trong thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số.

- Để khắc phục tình trạng thiếu chủ động, chưa đồng bộ trong phối hợp đã xác định trong năm 2025, nhiệm vụ hàng đầu là tiếp tục phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số nâng cao hiệu quả phối hợp, điều hành. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số với công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng hằng năm của từng đơn vị và cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu. Đồng thời, xây dựng và ban hành các chính sách cụ thể để tạo động lực cho chuyển đổi số, như chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực CNTT chất lượng cao.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về chuyển đổi số.

- Áp dụng các cơ chế, chính hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; cơ chế, chính sách giảm phí, lệ phí cho người dân sử dụng TTHC trực tuyến.

3. Hạ tầng số

- Ưu tiên đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng số đi trước một bước để thúc

đẩy chuyển đổi số của xã, phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung:

- Đôn đốc, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng băng rộng di động, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ băng rộng di động.

- Tập trung xây dựng, phát triển kho dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực; kết nối, liên thông dữ liệu tiến tới từng bước quản lý điều hành dựa trên dữ liệu, cung cấp dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT như: máy tính cá nhân, máy scan, photo, mạng LAN,... cho các cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu công việc trên môi trường mạng. Đặc biệt là nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp, đáp ứng triển khai DVCTT toàn trình, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Ứng dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Triển khai tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thông như: giao thông vận tải, năng lượng, y tế, giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.

4. Nhân lực số

- Nâng cao năng lực tại chỗ: Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng liên tục về kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức thông qua các nền tảng trực tuyến như "Bình dân học vụ số" và các lớp tập huấn chuyên sâu về phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI). Đồng thời, tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin bằng việc tham gia các cuộc diễn tập thực chiến về an toàn thông tin mạng định kỳ để nâng cao năng lực phòng thủ và ứng cứu sự cố.

- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp.

5. Phát triển dữ liệu số

Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

Tiếp tục số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC để làm giàu kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, trong đó:

- Hoàn thiện CSDL chuyên ngành: Tập trung xây dựng, phát triển và hoàn

thiện các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành trọng điểm (tổ chức bộ máy, biên chế, nông nghiệp, môi trường, du lịch, tài chính...).

- Kết nối Dữ liệu: Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP). Đảm bảo 100% dữ liệu của đơn vị được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

- Số hóa và Chuẩn hóa: Thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuẩn hóa dữ liệu số theo quy định.

6. An toàn thông tin mạng

- Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo cấp độ (theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT). Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình "4 lớp".

- Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do các sở, ngành quản lý, hệ thống thông tin giải quyết TTHC phục vụ người dân và doanh nghiệp.

7. Chính quyền số

- Rà soát, cập nhật Kế hoạch Chuyển đổi số thống nhất với Chương trình phát triển Chính phủ số quốc gia.

- Dịch vụ công trực tuyến: Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến, phấn đấu đạt tỷ lệ trên 90% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình.

- Định danh điện tử (VNeID): Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông qua định danh điện tử VNeID.

- Ứng dụng AI/Trợ lý ảo: Tăng cường ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ công chức trong công tác chuyên môn, tra cứu thông tin và tổng hợp báo cáo.

- Triển khai trợ lý ảo dùng chung phục vụ người dân, doanh nghiệp và cán bộ.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện được thực hiện trên Cổng DVC quốc gia (theo mô hình một cửa số).

- 100% hồ sơ, kết quả TTHC phát sinh được số hóa; thực hiện ký số toàn trình trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh.

- Đồng bộ dữ liệu TTHC, kết quả giải quyết với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

8. Kinh tế số và xã hội số

Thúc đẩy phát triển kinh tế số, bao gồm: (i) Kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực; (ii) Kinh tế số công nghiệp CNTT và dịch vụ viễn thông; (iii) Kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến trên mạng. Trong đó, tập trung vào các hoạt động:

- Thương mại điện tử: tiếp tục tăng cường phát triển thương mại điện tử năm 2026.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đưa 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực lên sàn thương mại điện tử. Xây dựng mô hình chợ số tại cấp xã.

- Du lịch số: Khai thác hiệu quả Cổng Du lịch Thông minh tại địa chỉ <https://dulich.laichau.gov.vn/> để quảng bá điểm du lịch của địa phương.

- Y tế số: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu y tế dùng chung. Phân đầu tỷ lệ người dân có sổ sức khỏe điện tử đạt 70%.

- Thanh toán số: Đẩy mạnh các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch hành chính và dân sự, đặc biệt tại các cơ sở giáo dục.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Thường xuyên tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân về chủ trương của Đảng, nhà nước, của cấp ủy, chính quyền, đơn vị về chuyển đổi số.

- Xây dựng, phát hành các sản phẩm tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, địa phương; xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn; thông qua các hội nghị, hội thảo, hội thi, hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026; thông qua việc chia sẻ các sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình hiệu quả về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân; thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn của Tổ công nghệ số cộng đồng. Triển khai hiệu quả phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn kết quả chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ kết quả triển khai hàng tháng, quý.

- Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền

số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học. Tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện về phát triển kinh tế số, xã hội số và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; phát động và triển khai có hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) và Ngày Hội đổi mới sáng tạo quốc gia (01/10) Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

Người đứng đầu các cơ quan đơn vị trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai Chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình. Quan tâm bố trí cán bộ phụ trách chuyển đổi số của cơ quan, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số. Triển khai các biện pháp thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ có bằng cấp phù hợp với vị trí việc làm.

Kiện toàn, hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, kiện toàn tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ. Huy động các tổ chức đoàn thể, đoàn thanh niên, các lực lượng vũ trang, giáo viên, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tham gia hỗ trợ nhân dân trong việc tiếp cận nâng cao chuyển đổi số.

Khuyến khích cán bộ, công chức đề xuất sáng kiến ứng dụng công nghệ số, cải tiến quy trình nghiệp vụ.

4. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Huy động các nguồn tài chính, lồng ghép các chương trình, dự án, đẩy

manh xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (Vốn chương trình mục tiêu quốc gia; Nguồn vốn đầu tư công; Nguồn vốn sự nghiệp; Vốn của các doanh nghiệp).

- Huy động nguồn lực của các Tập đoàn viễn thông trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển hạ tầng số. Huy động nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch của doanh nghiệp.

5. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

5.1 Hợp tác chiến lược và quốc tế

Hợp tác Quốc tế: Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Học tập kinh nghiệm: Tổ chức các hoạt động thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm.

5.2. Hợp tác với Doanh nghiệp Công nghệ và Viễn thông

- Củng cố Hạ tầng: phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn, đặc biệt là VNPT, Viettel để rà soát, đánh giá và từng bước xóa bỏ các vùng lùm sóng di động băng rộng

- Thu hút chuyên gia và Ứng dụng công nghệ: tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, tìm hiểu giải pháp, công nghệ mới. phối hợp, hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, đơn vị tư vấn để ứng dụng, thử nghiệm các công nghệ mới.

5.3. Hợp tác liên ngành và chia sẻ dữ liệu

- Trao đổi kinh nghiệm: Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong triển khai chuyển đổi số. khuyến khích tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm các mô hình chuyển đổi số hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND và UBND xã

Tăng cường công tác tuyên truyền, tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, giải quyết TTHC mức độ một phần, toàn trình tại cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh triển khai thực hiện ứng dụng CNTT, chứng thư số tại cơ quan, đơn vị.

2. Trung tâm phục vụ hành chính công

Tăng cường công tác tuyên truyền, tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, giải quyết TTHC mức độ một phần, toàn trình tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Đẩy mạnh triển khai thực hiện ứng dụng CNTT, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo cơ chế một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định và đề xuất tham mưu, triển khai các dự án ứng dụng CNTT từ nguồn vốn kinh phí sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ phục vụ phát triển CNTT

Tổng hợp, tham mưu việc thực hiện kế hoạch và xây dựng báo cáo năm kịp thời đề xuất các giải pháp cần thiết để bảo đảm việc thực hiện thành công kế hoạch Chuyển đổi số.

Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch và triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Triển khai tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong các cơ quan, doanh nghiệp và người dân.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị thực hiện có hiệu quả chương trình tổng thể cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số.

Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT, góp phần đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin trên địa bàn, hàng năm báo cáo UBND.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử.

4. Phòng Kinh tế

Căn cứ tình hình nguồn kinh phí, chủ trì, phối hợp với các cơ quan và các đơn vị liên quan tham mưu giúp UBND bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch.

Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

5. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn xã.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các đoàn thể

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân: Phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số; nâng cao nhận thức về lợi ích của chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Lòng ghép nội dung chuyển đổi số vào các cuộc vận động, phong trào thi đua như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”, “Gia đình văn hóa”, “Thanh niên khởi nghiệp”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo”...

- Phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức đoàn thể trong hỗ trợ người dân:

+ Đoàn Thanh niên: chủ trì, phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn kỹ năng số, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng số.

+ Hội Phụ nữ, Hội Nông dân: tuyên truyền, vận động hội viên tham gia thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Hội Cựu chiến binh: gương mẫu trong thực hiện chuyển đổi số, vận động gia đình, cộng đồng cùng tham gia.

- Tham gia giám sát, phản biện xã hội: Giám sát việc triển khai các chính sách, chương trình chuyển đổi số tại cơ sở, đặc biệt là việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ người dân vùng khó khăn. Kịp thời phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

- Hỗ trợ phổ cập kỹ năng số cho người dân: Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng sử dụng điện thoại thông minh, Internet, dịch vụ công trực tuyến. Tập trung hỗ trợ các đối tượng yếu thế: người cao tuổi, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Thúc đẩy xây dựng cộng đồng số tại cơ sở: Vận động xây dựng mô hình “Gia đình số”, “Chi hội số”, “Tổ dân cư số”. Khuyến khích đoàn viên, hội viên tham gia tích cực vào các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập và đời sống.

- Phối hợp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của địa phương: Tham gia cùng chính quyền và các cơ quan chuyên môn trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số. Huy động nguồn lực xã hội hóa, sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp trong hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở.

7. Trưởng thôn, bản, tổ dân phố

Tổ chức triển khai các nội dung chuyển đổi số đến từng hộ gia đình; đưa nội dung chuyển đổi số vào các cuộc họp thôn, bản, sinh hoạt TDP để tuyên truyền, vận động người dân tham gia.

Phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng: Hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng số thiết yếu như: VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, sổ sức khỏe điện tử. Hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Tăng cường tuyên truyền phù hợp thực tế địa bàn: Đối với khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng lõm sóng: ưu tiên tuyên truyền trực tiếp, “cầm tay chỉ việc”, thông qua loa truyền thanh, họp dân, người có uy tín. Lồng ghép tuyên truyền chuyển đổi số với các chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, phát triển kinh tế.

Rà soát, thống kê, cập nhật thông tin: Danh sách hộ dân có điện thoại thông minh, tài khoản ngân hàng, tài khoản định danh điện tử. Báo cáo tình hình tiếp cận và sử dụng dịch vụ số của người dân trên địa bàn. Vận động người dân thay đổi thói quen: Từng bước chuyển từ giao dịch trực tiếp sang trực tuyến. Khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt trong mua bán, đóng góp, nộp phí, lệ phí.

Phát huy vai trò người có uy tín, đoàn thể tại cơ sở: Huy động bí thư chi bộ, trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, đoàn thanh niên, hội phụ nữ... tham gia tuyên truyền, hỗ trợ người dân. Nhân rộng các mô hình “hộ gia đình số”, “thôn bản số”. Phản ánh, kiến nghị kịp thời: Tổng hợp khó khăn, vướng mắc (đặc biệt về hạ tầng mạng, thiết bị, kỹ năng số của người dân) báo cáo UBND xã để có giải pháp hỗ trợ.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 tháng cuối quý) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) các phòng, ban, cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi phòng Văn hoá – Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã, Ban Chỉ đạo xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo Ủy ban nhân dân xã (qua phòng Văn hoá – Xã hội) để xem xét, giải quyết.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

1. Danh mục nhiệm vụ, dự án thực hiện năm 2026 (Chi tiết các nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 (Chi tiết các nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo).

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã Phong Thổ, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, trưởng các thôn, bản, TDP nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- UBNDTTQVN xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trưởng các thôn, bản, TDP;
- Các doanh nghiệp BC, VT, CNTT;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Khắc Tấn